

Học phần **Đại số sơ cấp** lớp **Daklak khoá 3:**

Không được dự thi, phải học trả nợ:

1. K37.901.287 Lê Thị Hoài Chung
2. K37.901.296 Bạch Công Đình
3. K37.901.300 Nguyễn Thị Thùy Giang
4. K37.901.303 Đỗ Thị Thu Hằng
5. K37.901.317 Trịnh Thị Hồng
6. K37.901.347 Nguyễn Thị Hằng Nga
7. K37.901.355 H' Thong Thíp Niê
8. K37.901.361 Trần Thị Thanh Phụng
9. K37.901.362 Lê Thị Hoài Phương
10. K37.901.382 Trần Thị Thơm
11. K37.901.389 Trần Thị Thu Thủy
12. K37.901.393 Phan Thị Hồng Tính
13. K37.901.411 Phan Thị Thanh Xuân
14. K37.901.414 Nguyễn Thị Khoa

Điểm giữa kỳ (30%):

STT	Mã số SV	Họ tên	Điểm	Ghi chú
1	280	Hà Trung Ân	7	Bảy
2	281	Trần Thị Tuyết Anh	7	Bảy
3	282	Nguyễn Thị Lan Anh	6	Sáu
4	283	Vũ Thị Vân Anh	6	Sáu
5	284	Hoàng Thị Ánh	6	Sáu
6	285	Lã Thị Bắc	7	Bảy
7	286	Nguyễn Thị Bích	8	Tám
8	287	Lê Thị Hoài Chung	CT	
9	288	Nguyễn Thị Thùy Cúc	7	Bảy
10	289	Phạm Thị Dung	6	Sáu
11	290	Nguyễn Thị Kim Dung	6	Sáu
12	291	Trần Thị Tiên Dung	6	Sáu
13	292	Ngô Xuân Dũng	10	Mười
14	293	Trần Thị Duy	6	Sáu
15	294	Trần Thị Duyên	7	Bảy
16	295	Nguyễn Thị Đậu	7	Bảy
17	296	Bạch Công Đình	CT	
18	297	Nguyễn Thị Diệp	6	Sáu
19	298	Vũ Thị Hồng Diệp	6	Sáu
20	299	Đặng Thị Kim Đông	6	Sáu
21	300	Nguyễn Thị Thùy Giang	CT	
22	301	Trần Thị Thu Hằng	7	Bảy

23	302	Đinh Thị Hằng	5	Năm
24	303	Đỗ Thị Thu Hằng	CT	
25	304	Huỳnh Thị Hằng	8	Tám
26	305	Nguyễn Thị Hằng	6	Sáu
27	306	Nguyễn Thị Hà	8	Tám
28	307	Nguyễn Mai Hà	6	Sáu
29	308	Võ Thị Hà	7	Bảy
30	309	Nguyễn Thị Thu Hà	6	Sáu
31	310	Hồ Thị Hà	6	Sáu
32	311	Nguyễn Thị Hà	6	Sáu
33	312	Lê Thanh Hải	7	Bảy
34	313	Đinh Thị Hiền	6	Sáu
35	314	Hồ Thị Tố Hoa	7	Bảy
36	315	Bùi Thị Ánh Hồng	7	Bảy
37	316	Nguyễn Thị Hồng	8	Tám
38	317	Trịnh Thị Hồng	CT	
39	318	Nguyễn Thị Ánh Hồng	7	Bảy
40	319	Nguyễn Thị Hồng	7	Bảy
41	320	Lê Thị Thu Hoài	7	Bảy
42	321	Hồ Thị Ngọc Hương	7	Bảy
43	322	Phạm Thị Hương	8	Tám
44	323	Trần Thị Thanh Hương	9	Chín
45	324	Trần Thị Hường	6	Sáu
46	325	Nông Thị Huệ	6	Sáu
47	326	Đàm Nguyệt Kiều	7	Bảy
48	327	Nguyễn Thị Phương Kiều	6	Sáu
49	328	Nguyễn Thị Lân	7	Bảy
50	329	Nguyễn Thị Kim Lan	7	Bảy
51	330	Phạm Thị Lan	7	Bảy
52	331	Phạm Thị Liên	8	Tám
53	332	Trương Thị Ngọc Linh	6	Sáu
54	333	Lê Thị Thanh Loan	7	Bảy
55	334	Lê Văn Lực	7	Bảy
56	335	Võ Kim Thảo Ly	9	Chín
57	336	Đỗ Trúc Yến Ly	6	Sáu
58	337	Nguyễn Thị Lyna	8	Tám
59	338	Phan Thị Lý	6	Sáu
60	339	Nguyễn Thị Lý	5	Năm
61	340	Phạm Thị Mai	9	Chín
62	341	Bạch Thị Mai	8	Tám
63	342	Vũ Thanh Mai	6	Sáu
64	343	Trần Lê Thiện Mỹ	6	Sáu

65	344	Lương Thị Thanh Nga	7	Bảy
66	345	Nguyễn Thị Bích Nga	6	Sáu
67	346	Vũ Thị Thúy Nga	8	Tám
68	347	Nguyễn Thị Hằng Nga	CT	
69	348	Đinh Thị Ngân	8	Tám
70	349	Nguyễn Thị Ngân	6	Sáu
71	350	Bùi Thị Ngoan	6	Sáu
72	351	Trần Thị Như Ngọc	6	Sáu
73	352	Tạ Thị Ngọc	6	Sáu
74	353	Nguyễn Thị Nhài	10	Mười
75	354	Vũ Thị Nhân	7	Bảy
76	355	H' Thong Thíp Niê	CT	
77	356	Nông Thị Nơi	7	Bảy
78	357	Nguyễn Thị Nương	6	Sáu
79	358	Bùi Thị Nở	6	Sáu
80	359	Đỗ Thị Phong	7	Bảy
81	360	Phạm Thị Kim Phượng	7	Bảy
82	361	Trần Thị Thanh Phượng	CT	
83	362	Lê Thị Hoài Phương	CT	
84	363	Vũ Thị Minh Phương	7	Bảy
85	364	Hồ Thị Quỳnh	8	Tám
86	365	Nguyễn Thị Hải Quỳnh	7	Bảy
87	366	Y Lợi Rơ Luk	7	Bảy
88	367	Nguyễn Thị Rong	6	Sáu
89	368	Đoàn Sang	7	Bảy
90	369	Tạ Thị Sen	7	Bảy
91	370	Hoàng Thị Tâm	6	Sáu
92	371	Nguyễn Thị Thắm	7	Bảy
93	372	Hoàng Thị Thắm	7	Bảy
94	373	Lê Ngọc Thắng	8	Tám
95	374	Nguyễn Thị Thanh	6	Sáu
96	375	Trần Thị Thanh	6	Sáu
97	376	Nguyễn Thị Hoài Thanh	5	Năm
98	377	Lê Ngọc Thành	6	Sáu
99	378	Trần Thị Thảo	7	Bảy
100	379	Trần Thị Thảo	7	Bảy
101	380	Trịnh Thiên	8	Tám
102	381	Đậu Thị Thu Thoa	6	Sáu
103	382	Trần Thị Thơm	CT	
104	383	Phạm Văn Thỏ	6	Sáu
105	384	Nguyễn Thị Thu	6	Sáu

106	385	Nguyễn Thị Thanh Thùy	8	Tám
107	386	Phạm Thị Thùy	5	Năm
108	387	Đặng Thị Lệ Thùy	6	Sáu
109	388	Nguyễn Thị Thùy	6	Sáu
110	389	Trần Thị Thu Thủy	CT	
111	390	Mạc Thị Thuyền	6	Sáu
112	391	Nguyễn Viết Tiến	5	Năm
113	392	Trần Thế Tiền	7	Bảy
114	393	Phan Thị Hồng Tinh	CT	
115	394	Hoàng Thị Tình	9	Chín
116	395	Nguyễn Thị Tươi	6	Sáu
117	396	Giáp Thị Trâm	5	Năm
118	397	Bùi Thị Thùy Trang	8	Tám
119	398	Phan Mai Trang	7	Bảy
120	399	Vũ Thị Huyền Trang	7	Bảy
121	400	Nguyễn Thị Tuyết Trang	6	Sáu
122	401	Đoàn Thị Trang	7	Bảy
123	402	Chu Thị Thùy Trang	7	Bảy
124	403	Lê Thị Thúy Trinh	7	Bảy
125	404	Nguyễn Tiến Trường	6	Sáu
126	405	Đàm Mạnh Tuấn	7	Bảy
127	406	Lê Kim Tuấn	7	Bảy
128	407	Phan Thị Tú	9	Chín
129	408	Dương Văn Tú	8	Tám
130	409	Nguyễn Thị Tuyền	5	Năm
131	410	Nguyễn Thị Hải Vân	6	Sáu
132	411	Phan Thị Thanh Xuân	CT	
133	412	Lê Thị Yến	7	Bảy
134	413	Phạm Thị Hải Yến	6	Sáu
135	414	Nguyễn Thị Khoa	CT	
136	415	Y Thị Niê	6	Sáu
137	416	H' Dlang Rje	5	Năm